

Bản án số: 38/2021/HC-ST

Ngày 12/7/2021

*“Về việc khiếu kiện Quyết định thu hồi đất
và phê duyệt phương án bồi thường”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Duy Ước

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Kiều

Bà Trần Thị Kim Thủy

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà0 Lê Minh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Trọng Linh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 và ngày 12/7/2021, tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 255/2019/TLST-HC ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh về “*Khiếu kiện Quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường và cưỡng chế thu hồi đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2021/QĐXXST-HC ngày 10 tháng 5 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2021/QĐST-HC ngày 26/5/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2021/QĐST-HC ngày 24/6/2021, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn T; Nơi cư trú: Thôn 2, xã N, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần M; Nơi cư trú: Khu phố 3, Tân Minh, Hồng Tân, Bình Thuận (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 29/6/2020). Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Hà L, ông Lê Văn L1, ông Bùi Hải Q, bà Phạm Lệ Q - Luật sư Văn phòng Luật sư H, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội và ông Đồng Hữu P – Luật sư văn phòng Luật sư Đồng Hữu P, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế. Ông Lê Văn L1, ông Bùi Hải Q, ông Đồng Hữu P vắng mặt. Ông Nguyễn Hà L, bà Phạm Lệ Q có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C và Ủy ban nhân dân thành phố C, tỉnh Quảng Ninh.

Địa chỉ: Phường L, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Xuân Đ - Phó chủ tịch (Theo Quyết định ủy quyền số 60/QĐ-UBND ngày 06/01/2020). Vắng mặt, có đơn xin xét xử

vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Đặng Hồng P - Luật sư Công ty luật V, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ninh, ông Nguyễn Tiến T - Phó giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố C, bà Phùng Thị Thu V – Phó trưởng phòng Tài nguyên và môi trường thành phố C. Ông T, bà V vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; ông P có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân xã N, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh

Địa chỉ: Xã N, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn H - Phó Chủ tịch (theo Quyết định ủy quyền số 33/QĐ-UBND ngày 24/02/2020). Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bà Đỗ Thị V1 (Đỗ Thị T); Nơi cư trú: Thôn 2, xã N, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T; Nơi cư trú: Thôn 2, xã N, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh (theo Giấy ủy quyền ngày 13/7/2020). Có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ và tại phiên tòa, người khởi kiện trình bày:

Ông Nguyễn Văn T sử dụng diện tích 3.544,3m² đất tại thôn 2, xã N, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, thuộc các thửa đất số 540 tờ bản đồ địa chính 44; thửa số 08, 10, 11, 43, 46, 47, 67, 105, 106, tờ bản đồ 55; thửa số 20 tờ bản đồ địa chính số 53 năm 2007, có nguồn gốc khai hoang từ năm 1984 đến năm 1997. Các thửa 106, 67, 105, 10, 47 sử dụng để trồng lúa đến năm 2015 thì để trống không canh tác; thửa 11, 43, 46 sử dụng để trồng lúa đến năm 2001 thì không canh tác và để trống.

Thực hiện dự án đường cao tốc Vân Đồn – Móng Cái, diện tích đất ông T đang sử dụng nằm trong phạm vi giải phóng mặt bằng 1.542,6m² và thuộc diện nhà nước thu hồi đất.

Ngày 23/7/2018, Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố C, tỉnh Quảng Ninh đã ban hành Quyết định số 3263/QĐ - UBND thu hồi đất của ông Nguyễn Văn T diện tích 1.542,6m² tại thôn 2, xã N, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh và ban hành Quyết định 3268/QĐ - UBND phê duyệt 06 phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trong đó ông T được bồi thường, hỗ trợ số tiền là 6.594.900đ.

Ngày 04/12/2018, UBND thành phố C ban hành Quyết định số 6212/QĐ – UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường bổ sung cho 03 hộ, trong đó ông T được bồi thường số tiền 16.300.350đ (Các thửa 106, 67, 105, 10, 47 sử dụng để trồng lúa đến năm 2015 thì để trống không canh tác; thửa 11, 43, 46 sử dụng để trồng lúa đến năm 2001 không canh tác nên thuộc trường hợp vi phạm pháp luật về đất đai thuộc khoản 1 Điều 64 Luật Đất đai nên không được bồi thường).

Ngày 19/02/2019, Chủ tịch UBND thành phố C đã ban hành Quyết định số 521/QĐ - UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Nguyễn Văn T và đã tổ chức cưỡng chế thu hồi toàn bộ diện tích đất 1.542,6m².

Ngày 09/12/2019, Chủ tịch UBND thành phố C ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 6752/QĐ – UBND giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn T, trú tại thôn 2, xã N, thành phố C (Lần đầu) có nội dung không chấp nhận khiếu nại của ông Nguyễn Văn T. Căn cứ không chấp nhận khiếu nại là do đất thu hồi của ông T không đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên không đủ điều kiện để bồi thường về đất theo khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai và Điều 13 Nghị định số 47/2014/NĐ – CP.

Để bảo vệ quyền và lợi ích của mình, ông Nguyễn Văn T đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Quyết định số 3263/QĐ - UBND ngày 23/7/2018 về việc thu hồi đất của Ông Nguyễn Văn T; Hủy một phần Quyết định số 3268/QĐ - UBND ngày 23/7/2018 của UBND thành phố C, tỉnh Quảng Ninh (Phần liên quan đến ông Nguyễn Văn T) và Quyết định số 521/QĐ - UBND ngày 19/02/2019 Chủ tịch UBND thành phố C về việc cưỡng chế thu hồi đất để tính toán lại việc bồi thường hỗ trợ theo quy định của Luật Đất đai hiện hành, đồng thời phải bồi thường 300.000.000đ do tài sản bị hủy hoại, mất mát và tổn thất tinh thần.

Để chứng minh cho yêu cầu của mình có căn cứ, ông Nguyễn Văn T cung cấp các tài liệu gồm Quyết định thu hồi đất, phương án bồi thường, quyết định cưỡng chế và các tài liệu khác và cho rằng diện tích đất bị thu hồi là đất nông nghiệp được gia đình ông khai phá từ năm 1997, sử dụng ổn định để trồng lúa cho đến những năm gần đây (thời gian ngắn) không canh tác được do hạn hán, chính quyền xã cũng thừa nhận việc này chứ không phải đất bỏ hoang..., đất sử dụng trước ngày 01/7/2014 nên đất có đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận và đủ điều kiện được bồi thường theo quy định.

Tại Văn bản ý kiến và bản tự khai của người bị kiện trình bày:

Căn cứ bản chứng nhận Nhà đất số 69/UBND ngày 22/3/2018 của UBND xã N thì diện tích giải phóng mặt bằng (GPMB) thuộc các thửa số 04, 05, 48, 49, 50, 13, 19 tờ bản đồ giải phóng mặt bằng số 10 có nguồn gốc do hộ ông T tự khai hoang và sử dụng đến năm 2015, sau đó từ năm 2015 đến thời điểm thông báo thu hồi đất gia đình không sử dụng; các thửa 11, 12, 20 tờ bản đồ giải phóng mặt bằng số 10 có nguồn gốc do hộ ông T tự khai hoang và sử dụng đến năm 2001, sau đó từ năm 2001 đến thời điểm thông báo thu hồi đất gia đình không sử dụng. Do việc sử dụng đất không liên tục theo Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và việc bắt đầu sử dụng đất lại vào năm 2017 (sau ngày 01/7/2014) nên xác định các thửa đất không đủ điều kiện được bồi thường về đất theo quy định tại Khoản 1 Điều 75 và khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013. Do đó UBND thành phố phê duyệt phương án là đúng quy định.

Tuy nhiên để đảm bảo quyền lợi của hộ gia đình, ngày 22/8/2018, UBND thành phố đã có Văn bản 2368/UBND-VP đề nghị UBND tỉnh giải quyết vướng mắc khi thực hiện bồi thường GPMB dự án đường cao tốc, trong đó UBND thành

phổ đã nêu các nội dung vướng mắc của các hộ bị thu hồi đất do khai hoang, chưa được cấp Giấy chứng nhận nhưng không sử dụng đất liên tục (bỏ hoang một số năm). Ngày 25/9/2018, UBND tỉnh Quảng Ninh có Văn bản số 7050/UBND-QLĐĐ1 về giải quyết vướng mắc về bồi thường, GPMB tại một số dự án trên địa bàn thành phố C, trong đó cho phép UBND thành phố áp dụng hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất cho các hộ dân bằng 30% giá đất nông nghiệp theo bảng giá đất. Trên cơ sở đó UBND thành phố đã lập và phê duyệt phương án cho hộ ông T theo chỉ đạo của UBND tỉnh như trên, vì vậy kiến nghị của hộ ông T không có cơ sở để xem xét giải quyết.

Từ những căn cứ trên UBND thành phố C không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND xã N trình bày thống nhất nội dung như người bị kiện.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị V1 trình bày thống nhất nội dung như người khởi kiện.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tổ chức đối thoại, hai bên đương sự không thống nhất được về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa:

Người khởi kiện rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bồi thường 300.000.000 đồng. Người khởi kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày như nội dung trên và xác định toàn bộ diện tích đất bị thu hồi do ông T khai phá năm 1984 đến năm 1997 và được sử dụng liên tục, chỉ một số năm không sử dụng. Ông T xác nhận năm 2017, ông có cày, bừa làm đất, mục đích trồng lúa nhưng do có thông báo thu hồi đất nên ông không trồng nữa và để đất trống, hiện trạng đã cày, bừa đất, không có lúa hoặc hoa màu đã thu hoạch như trong bản chứng nhận nhà đất và phiếu lấy ý kiến dân cư đã xác định, toàn bộ diện tích đất trên gia đình ông vẫn sử dụng nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Thực tế ông vẫn sử dụng đất nên ông không đồng ý với bản chứng nhận nhà đất và phiếu lấy ý kiến khu dân cư. Ông T cho rằng tất cả những người có tên trong phiếu lấy ý kiến khu dân cư đều có mâu thuẫn tình cảm với ông nên ông không công nhận, nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh là mình sử dụng đất ổn định, liên tục từ năm 2001 đến 2017; đất bị thu hồi có đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận và đủ điều kiện được bồi thường về đất, nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa đương sự không cung cấp chứng cứ mới.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện phát biểu quan điểm bảo vệ quyền lợi cho người khởi kiện như nội dung trình bày trên.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án hành chính ở giai đoạn sơ thẩm và đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về việc Hủy một phần Quyết định số 3268/QĐ - UBND ngày 23/7/2018 của UBND thành phố C, tỉnh

Quảng Ninh (Phần liên quan đến ông Nguyễn Văn T), vì các thửa đất bị thu hồi của hộ ông T vẫn đang sử dụng ổn định, được thể hiện tại bản chứng nhận nhà đất là hiện trạng “Hoa màu đã thu hoạch” và đều đủ điều kiện được bồi thường về đất..., đề nghị HĐXX bác các yêu cầu khởi kiện huỷ Quyết định thu hồi đất, quyết định cưỡng chế và đình chỉ yêu cầu khởi kiện bồi thường thiệt hại 300.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa sơ thẩm, căn cứ vào kết quả tranh tụng và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

[1] Về thủ tục thụ lý: Ngày 23/7/2018, UBND thành phố C, tỉnh Quảng Ninh đã ban hành Quyết định số 3263/QĐ - UBND thu hồi đất và ban hành Quyết định 3268/QĐ - UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với ông Nguyễn Văn T; Ngày 19/02/2019, Chủ tịch UBND thành phố C đã ban hành Quyết định số 521/QĐ - UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất nhưng ông Nguyễn Văn T không đồng ý nên đã khởi kiện yêu cầu huỷ Quyết định số 3263/QĐ - UBND, Quyết định 3268/QĐ - UBND và Quyết định số 521/QĐ - UBND. Đây là các Quyết định hành chính thuộc lĩnh vực quản lý đất đai quy định tại khoản 5, 6 Điều 22 Luật Đất đai 2013 và là Quyết định hành chính bị kiện quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tổ tụng hành chính, việc khởi kiện còn trong thời hiệu và thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định.

Quyết định số 6212/QĐ – UBND ngày 04/12/2018 của UBND thành phố C về việc phê duyệt phương án bồi thường bổ sung cho 03 hộ và Quyết định số 6752/QĐ - UBND ngày 09/12/2019 của Chủ tịch UBND thành phố C, tỉnh Quảng Ninh về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn T, trú tại thôn 2, xã N, thành phố C (Lần đầu) không bị khiếu kiện nhưng là các quyết định có liên quan đến Quyết định bị kiện nên được xem xét tính hợp pháp theo quy định của Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Về nội dung: Xét tính hợp pháp của Quyết định số 3263/QĐ - UBND, Quyết định 3268/QĐ – UBND (Được bổ sung tại Quyết định số 6212/QĐ – UBND), Quyết định số 521/QĐ – UBND và Quyết định số 6752/QĐ – UBND.

[2.1] Căn cứ ban hành Quyết định số 3263/QĐ - UBND, Quyết định 3268/QĐ – UBND được bổ sung tại Quyết định số 6212/QĐ – UBND, Quyết định số 521/QĐ - UBND và Quyết định số 6752/QĐ - UBND:

- Căn cứ pháp lý: Tại các Quyết định trên căn cứ vào Luật Đất đai 2013, Luật khiếu nại, Nghị định số 75/2012/NĐ - CP ngày 03/10/2012, Nghị định số 43/2014/NĐ - CP ngày 15/5/2014, Nghị định số 47/2014/NĐ - CP ngày 15/5/2014, Nghị định số 01/2017/NĐ - CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ, Thông tư số 30/2014/TT - BTNMT ngày 02/6/2014, Thông tư số 37/2014/TT - BTNMT ngày 30/6/2014 và các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng, cưỡng chế thu hồi đất là những văn bản có hiệu lực thi hành nên phù hợp pháp luật.

- Căn cứ thu hồi đất: Toàn bộ diện tích đất 1.542,6m² thuộc các thửa số 04, 05, 48, 49, 50, 13, 19, 11, 12, 20 tờ bản đồ giải phóng mặt bằng số 10 tại thôn 2, xã N, thành phố C do ông Nguyễn Văn T sử dụng đều nằm trong phạm vi thực hiện dự án đường cao tốc Vân Đồn - Móng Cái và thuộc diện thu hồi đất theo Điều 62 Luật Đất đai 2013 và được UBND tỉnh Quảng Ninh phê duyệt, nên UBND thành phố C ban hành Quyết định thu hồi đất đối với ông T là phù hợp với pháp luật.

- Về căn cứ bồi thường: Tại bản chứng nhận nhà, đất, tài sản trên đất ngày 22/3/2018 của UBND xã N và phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 06/3/2018 xác định hộ ông Nguyễn Văn T có tổng diện tích 3.544,3m² tại thôn 2, xã N, thành phố C, trong đó có 1.542,6m² thuộc phạm vi thu hồi đất thực hiện dự án đường cao tốc Vân Đồn - Móng Cái do ông T khai phá sử dụng để trồng lúa, trong đó các thửa 04, 05, 48, 49, 50, 13, 19 tờ bản đồ giải phóng mặt bằng số 10 hộ ông T sử dụng để trồng lúa liên tục đến năm 2015 để đất trống, đến 2017 sử dụng lại; Thửa 11, 12, 20 tờ bản đồ giải phóng mặt bằng số 10 khai phá từ năm 1984 đến năm 1997, sử dụng đến năm 2001 không sử dụng và để hoang; Thửa số 20 tờ bản đồ giải phóng mặt bằng 8 được sử dụng trồng cây lâu năm đến khi thu hồi đất.

Các thửa 04, 05, 48, 49, 50, 13, 19 tờ bản đồ giải phóng mặt bằng số 10 là những thửa được sử dụng liên tục vào mục đích trồng lúa từ 1997 đến năm 2015 và bị gián đoạn năm 2016 không sử dụng, nhưng đến năm 2017 hộ ông T đã sử dụng lại cày đất để cấy lúa (đất sử dụng trồng lúa mỗi năm 01 vụ). Như vậy, chỉ có 01 vụ lúa để đất trống và tại văn bản 7050 của UBND tỉnh cũng xác định nguyên nhân là do nước nhiễm mặn và thủy lợi không đáp ứng được, đây là nguyên nhân khách quan mà hộ dân không thể canh tác được nên không có căn cứ xác định hộ dân bỏ hoang không sử dụng đất hoặc vi phạm pháp luật về đất đai, và không thể xác định thời điểm bắt đầu sử dụng đất từ năm 2017 để không bồi thường về đất cho hộ dân, như vậy là xâm phạm quyền lợi của người bị thu hồi đất. Trong trường hợp này có đủ căn cứ xác định đất được sử dụng liên tục và có đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định cho người có đất bị thu hồi.

Các thửa 11, 12, 20 tờ bản đồ giải phóng mặt bằng số 10, tại bản chứng nhận nhà đất và phiếu lấy ý kiến dân cư đã xác định rõ việc sử dụng đất là hộ ông T chỉ sử dụng đến năm 2001 rồi để đất hoang, và trên thực tế không còn trực tiếp sử dụng đất từ trước khi Luật Đất đai 2003 có hiệu lực (ngày 01/7/2004) và Luật Đất đai 2013 có hiệu lực (ngày 01/7/2014), nên căn cứ hiện trạng sử dụng đất thì đây là đất để hoang không có người sử dụng trong thời gian 16 năm. Năm 2017, ông T bắt đầu cày, bừa làm đất, mục đích trồng lúa nên trong trường hợp này phải xác định thời điểm ông T sử dụng đất là năm 2017, nên không thuộc diện được bồi thường về đất theo khoản 1 Điều 75 và khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013. Do vậy, UBND thành phố C không bồi thường đối với các thửa đất trên cho hộ ông T là đúng pháp luật. Mặc dù không được bồi thường về đất nhưng UBND thành phố C đã tính hỗ trợ bằng 30% giá đất nông nghiệp là đảm bảo quyền lợi của người khởi kiện theo Văn bản số 7050/UBND-QLĐĐ1 về giải quyết vướng mắc về bồi thường, GPMB tại một số dự án trên địa bàn thành phố C của UBND tỉnh Quảng Ninh. Tại bản tự khai và tại phiên tòa, ông T cũng đã thừa nhận một thời

gian không canh tác để đất trống và năm 2017 bắt đầu cày, bừa để cấy lúa, thời điểm kiểm đếm đền bù gia đình mới chỉ đang làm đất, chưa cấy lúa, hiện trạng trên đất không phải hoa màu đã thu hoạch mà chỉ là đất đã được cày, bừa. Ông T cho rằng những người có tên trong phiếu lấy ý kiến khu dân cư có mâu thuẫn tình cảm với ông và cho rằng mình vẫn sử dụng đất ổn định, liên tục trong thời gian từ năm 2001 đến năm 2017, nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh nên không có cơ sở để chấp nhận.

Tại phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, UBND thành phố C đã xác định các thửa đất bị thu hồi để thực hiện dự án và cho rằng người sử dụng đất không sử dụng liên tục trong thời hạn 12 tháng, nên áp dụng khoản 1 Điều 64 Luật Đất đai để xác định người sử dụng đất vi phạm pháp luật đất đai và không bồi thường, hỗ trợ cho ông T là áp dụng pháp luật chưa đúng, vì trong trường này không phải trường hợp thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai.

Đối với thửa 20 tờ bản đồ giải phóng mặt bằng số 8 có nguồn gốc khai phá từ năm 2011 và đã trồng cây lâu năm ổn định, phù hợp với quy hoạch nên UBND thành phố C đã bồi thường cho ông T đất trồng cây lâu năm là đúng pháp luật.

- Về căn cứ ban hành Quyết định cưỡng chế: Trên cơ sở quyết định thu hồi đất có hiệu lực nhưng người bị thu hồi đất không bàn giao đất cho tổ chức làm nhiệm vụ giải phóng mặt bằng, người bị thu hồi đất đã được tổ chức vận động nhưng không chấp hành bàn giao đất nên Chủ tịch UBND thành phố C đã ban hành quyết định cưỡng chế là có căn cứ theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai và tổ chức cưỡng chế theo quy định tại Điều 71 Luật đất đai 2013.

[2.2] Nội dung Quyết định số 3263/QĐ - UBND, Quyết định 3268/QĐ - UBND được bổ sung tại Quyết định số 6212/QĐ - UBND, Quyết định số 521/QĐ - UBND và Quyết định số 6752/QĐ - UBND:

Từ những căn cứ trên đã có đủ cơ sở xác định nội dung:

Về nội dung thu hồi đất diện tích 1.542,6m², ông T kê khai thuộc các thửa số 04, 05, 48, 49, 50, 13, 19, 11, 12, 20 tờ bản đồ giải phóng mặt bằng số 10 và thửa 20 tờ bản đồ giải phóng mặt bằng số 8 là đúng đối tượng, diện tích, vị trí và thuộc phạm vi nằm trong dự án đường cao tốc Vân Đồn - Móng Cái, thuộc diện nhà nước thu hồi đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt nên nội dung Quyết định thu hồi đất là đúng pháp luật.

Về nội dung Quyết định cưỡng chế thu hồi đất diện tích 1.542,6m², thuộc các thửa số 04, 05, 48, 49, 50, 13, 19, 11, 12, 20 tờ bản đồ giải phóng mặt bằng số 10 và thửa 20 tờ bản đồ giải phóng mặt bằng số 8 để thực hiện dự án đường cao tốc Vân Đồn - Móng Cái là đúng đối tượng, vị trí, diện tích và phạm vi thu hồi đất theo quyết định thu hồi đất nên phù hợp với pháp luật. Hiện nay toàn bộ diện tích đất thu hồi đã được bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công và đã thi công đường giao thông theo đúng quy định.

Về nội dung phương án bồi thường và quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu: Đối chiếu với các căn cứ nêu trên thì phương án bồi thường và quyết định giải quyết khiếu nại đối với hộ ông T đã xác định đủ diện tích đất thu hồi được bồi

thường là diện tích đất thuộc thửa 20 tờ bản đồ giải phóng mặt bằng số 8 và đã bồi thường theo giá đất trồng cây lâu năm và hỗ trợ cho hộ ông T là phù hợp; Diện tích đất thuộc thửa số 11, 12, 20 tờ bản đồ giải phóng mặt bằng số 10 không đủ điều kiện bồi thường nhưng đã được hỗ trợ khác bằng 30% giá đất nông nghiệp là đúng và đảm bảo quyền lợi của người khởi kiện. Tuy nhiên, đối với diện tích đất bị thu hồi tại các thửa số 04, 05, 48, 49, 50, 13, 19 tờ bản đồ giải phóng mặt bằng số 10 có đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ nhưng UBND thành phố C đã không bồi thường về đất mà chỉ hỗ trợ cho hộ ông T bằng 30% giá đất nông nghiệp là chưa đúng về nội dung bồi thường nên cần hủy để thực hiện bồi thường, hỗ trợ đầy đủ cho người khởi kiện theo đúng pháp luật.

[2.3] Xét tính hợp pháp về hình thức, thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành: Quyết định số 3263/QĐ - UBND, Quyết định 3268/QĐ – UBND, Quyết định số 6212/QĐ – UBND, Quyết định số 521/QĐ - UBND và Quyết định số 6752/QĐ - UBND đều được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục và thời hạn theo quy định tại Điều 66, 67, 69 Luật Đất đai 2013 và Luật Khiếu nại.

Về yêu cầu bồi thường thiệt hại: Người khởi kiện tự nguyện rút yêu cầu bồi thường 300.000.000đ nên được chấp nhận.

Người khởi kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ chấp nhận một phần.

Quan điểm của Viện kiểm sát: Quan điểm về các thửa đất số 11, 12, 20 tờ bản đồ giải phóng mặt bằng số 10 có đủ điều kiện bồi thường về đất như đã nhận định trên là không có cơ sở. Về đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện hủy một phần Quyết định số 3268/QĐ- UBND ngày 23/7/2018 của UBND thành phố C, tỉnh Quảng Ninh (phần liên quan đến ông Nguyễn Văn T) là có căn cứ.

Từ phân tích trên có đủ cơ sở xác định Quyết định số 3263/QĐ - UBND ngày 23/7/2018 của UBND thành phố C về việc thu hồi đất và Quyết định số 521/QĐ - UBND ngày 19/02/2019 của Chủ tịch UBND thành phố C về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Nguyễn Văn T là phù hợp với pháp luật và không gây thiệt hại cho quyền lợi của người khởi kiện nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đối với các quyết định này. Đối với Quyết định số 3268/QĐ - UBND ngày 23/7/2018 được bổ sung tại Quyết định số 6212/QĐ – UBND ngày 04/12/2018 của UBND thành phố C, tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (Phần liên quan đến Ông Nguyễn Văn T) và Quyết định số 6752/QĐ - UBND ngày 09/12/2019 của Chủ tịch UBND thành phố C về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn T, trú tại thôn 2, xã N, thành phố C (Lần đầu) có nội dung chưa đảm bảo quyền lợi của người bị thu hồi đất, nên cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện hủy một phần Quyết định số 3268/QĐ - UBND ngày 23/7/2018 của UBND thành phố C, tỉnh Quảng Ninh và Quyết định số 6752/QĐ - UBND ngày 09/12/2019 của Chủ tịch UBND thành phố C tỉnh Quảng Ninh để UBND thành phố C thực hiện lập lại phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định của pháp luật.

[3] *Về án phí sơ thẩm*: Người bị kiện phải chịu án phí sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) và trả lại cho người khởi kiện 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193, 194 Luật Tổ tụng Hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện bồi thường thiệt hại 300.000.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện: Hủy một phần Quyết định số 3268/QĐ - UBND ngày 23/7/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố C, tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; kinh phí đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện giải phóng mặt bằng dự án: đường cao tốc Vân Đồn - Móng Cái theo hình thức đối tác công tư (PPP), loại hợp đồng Xây dựng - Kinh Doanh - Chuyển giao (BOT), phần nội dung liên quan đến ông Nguyễn Văn T; Hủy Quyết định số 6212/QĐ - UBND ngày 04/12/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố C về việc phê duyệt phương án bồi thường bổ sung kinh phí đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện giải phóng mặt bằng dự án: đường cao tốc Vân Đồn - Móng Cái theo hình thức đối tác công tư (PPP), loại hợp đồng Xây dựng - Kinh Doanh - Chuyển giao (BOT), phần nội dung liên quan đến ông Nguyễn Văn T.

3. Hủy Quyết định số 6752/QĐ - UBND ngày 09/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C, tỉnh Quảng Ninh về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn T, trú tại thôn 2, xã N, thành phố C (Lần đầu).

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố C, tỉnh Quảng Ninh phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ về việc lập và phê duyệt phương án bồi thường đối với ông Nguyễn Văn T theo quy định của pháp luật.

4. Bác yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định số 3263/QĐ - UBND ngày 23/7/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố C về việc thu hồi đất của hộ ông Nguyễn Văn T và Quyết định số 521/QĐ - UBND ngày 19/02/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C về việc cưỡng chế thu hồi đất.

5. Về án phí sơ thẩm:

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố C, tỉnh Quảng Ninh phải chịu án phí sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Trả lại ông Nguyễn Văn T tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai nộp tiền án phí số 0002064 ngày 23/12/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- NBVQVLIHP;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- THADS tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Tạ Duy Ước